

Số: 02/2021/QĐST- HNGĐ

Cao Phong, ngày 18 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 112/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị S** - Sinh năm: 1988.

2. Bị đơn: Anh **Lý Thanh T** - Sinh năm: 1981.

Cùng trú tại: Xóm M, xã H, huyện C, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: số 2 - Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức M - Trưởng Phòng kế hoạch kinh doanh Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cao Phong. Địa chỉ: Số 322, Khu 2, TT Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. *(Tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 01/UQ-NHNo.CP-KHKD, ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cao Phong).*

3.2. Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số 169 - Phố linh Đường - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Cần Văn H** - Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Cao Phong. Địa chỉ: Khu2, TT Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. *(Tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 112 /UQ - NHCS ngày 22/12/2020 của Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cao Phong).*

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị S và anh Lý Thanh T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị S và anh Lý Thanh T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Thỏa thuận giao cháu Lý Thanh T, sinh ngày 01/02/2011 và cháu Lý Tuấn A, sinh ngày 21/9/2013 cho chị Bùi Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T và cháu A đủ 18 tuổi. Chị S chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

- 01 (một) mảnh đất có diện tích 657m² tại xóm Mừng - xã Hợp Phong - huyện Cao Phong - tỉnh Hòa Bình, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Lý Thanh Tôn, thửa đất số 56, tờ bản đồ số 289 434-6-b (tờ số 89) trên mảnh đất có 01 (Một) ngôi nhà xây cấp 4 DT khoảng 28 m². Sau khi ly hôn thửa đất trên sẽ để lại cho hai cháu là Lý Thanh T, sinh ngày 01/02/2011 và cháu Lý Tuấn A, sinh ngày 21/9/2013 toàn quyền sở hữu và sử dụng chị Bùi Thị S và anh Lý Thanh T sẽ có trách nhiệm sang tên cho cháu T và cháu A khi các cháu đủ 18 tuổi.

2.4. Về công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

- Chị Bùi Thị S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cao Phong - Hòa Bình 15.000.000đ

(Mười lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cao Phong - tỉnh Hòa Bình 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

2.5 Về án phí: Chị Bùi Thị S tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này đã được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp tại biên lai số 0003825 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong. Trả lại cho chị Bùi Thị S số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND H. Cao Phong;
- THADS H.Cao Phong;
- NHNo H. Cao Phong;
- NHCSXH H. Cao Phong;
- UBND xã Hợp Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà